

Bản án số: 04/2018/DS-ST
Ngày 15-01-2018
V/v tranh chấp hợp đồng hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÀM DƠI, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Kiên.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Thị Hà.

Bà Nguyễn Kim Kết.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đàm Dơi tham gia phiên tòa: Ông Dương Tấn Viễn – Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đàm Dơi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 205/2017/TLST - DS ngày 11 tháng 10 năm 2017 về “tranh chấp hợp đồng hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 409/2017/QĐXXST – DS ngày 28 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Phạm Ngọc T**, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp CL, xã TP, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Bà **Võ Tuyết N**, sinh năm 1956 (Có mặt).

Địa chỉ: ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông **Hứa Hồng S**, sinh năm 1955 (Vắng mặt).

Địa chỉ: ấp TT, xã TD, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 15/9/2017, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Phạm Ngọc T trình bày:

Ngày 15/3/2015 bà làm chủ đầu thảo và mở 01 dây hụi 5.000.000 đồng, gồm 24 chung, 01 tháng khui 01 lần, bà Võ Tuyết N tham gia chơi 01 chung và hốt kỳ mở hụi đầu được số tiền 63.700.000 đồng. Sau khi hốt hụi bà N đóng được tổng 31.000.000 đồng tiền hụi chết thì ngưng. Khi hòa giải tại ấp bà N thỏa thuận trả cho bà 4.500.000 đồng/tháng nhưng bà N chỉ trả được 03 lần bằng 5.000.000 đồng. Tính cho đến mãn hụi bà phải bỏ tiền ra lấp cho bà N tổng 83.000.000 đồng. Khi tham gia giao dịch hụi bà N nói với bà có sự đồng ý của chồng là ông Hứa Hồng S cho bà N tham gia chơi nên bà mới cho bà N tham gia. Do đó, nay bà khởi kiện yêu cầu bà N trả lại cho bà 83.000.000 đồng tiền hụi, đồng thời yêu cầu ông Hứa Hồng S cùng có trách nhiệm trả số tiền trên cho bà.

- Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa bà Võ Tuyết N trình bày:

Bà xác định có tham gia giao dịch hụi và nợ tiền hụi chết đúng như bà T trình bày nêu trên. Khi bà hốt hụi và lãnh tiền hụi 63.700.000 đồng thì bà cho nhiều người khác mượn nhưng họ không trả lại cho bà, bà cũng không biết tên, địa chỉ cụ thể của những người mượn tiền đang ở đâu vì họ ở tỉnh khác xuống thị trấn Đàm Dơi buôn bán nhỏ lẻ, nay họ bỏ đi mất bà không tìm được. Bà cũng có sử dụng số tiền khoảng 9.000.000 đồng làm vốn kinh doanh, trả nợ. Nay điều kiện kinh tế của bà gặp nhiều khó khăn nên bà xin trả dần cho bà T.

Đối với việc bà T yêu cầu ông S chồng bà có trách nhiệm trả tiền nợ hụi thì bà không đồng ý, bởi vì khi tham gia hụi là do một mình bà tham gia, ông S không hay biết

- Tại đơn xin từ chối tham gia tố tụng ngày 23/11/2017 và tại biên bản lấy lời khai ngày 20/12/2017 ông Hứa Hồng S trình bày: Việc bà N tham gia chơi hụi và thiếu nợ hụi ông hoàn toàn không hay biết; ông cũng không biết bà N lãnh tiền hụi để sử dụng mục đích gì. Nếu ông biết bà N tham gia chơi hụi thì ông không cho tham gia. Nay ông xác định bà N tự ý chơi hụi và sử dụng vào mục đích riêng, ông không hay biết nên không đồng ý theo yêu cầu của bà T và ông từ chối tham gia hòa giải, xét xử trong vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Xét việc vắng mặt của ông S vắng mặt có văn bản xin vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông S.

[2] Thấy rằng, ngày 15/3/2015 bà T làm chủ đầu thảo mở 01 dây hụi 5.000.000 đồng gồm 24 chung, 01 tháng khui 01 lần, bà N tham gia 01 chung, hốt kỳ mở hụi thứ nhất bà N nhận được số tiền 63.700.000 đồng có làm biên nhận. Đến mãn hụi ngày 15/3/2017 bà T lấp hụi cho bà N số tiền 83.000.000 đồng là thực tế có xảy ra, được bà T và bà N thừa nhận. Do bà T đã bỏ ra 83.000.000 đồng để trả tiền cho các hụi viên khác thay cho bà N trong quá trình tham gia giao dịch

hụi, điều này cho thấy bà T đã thực hiện thay nghĩa vụ cho bà N nên bà N phải có trách nhiệm thanh toán lại cho bà T 83.000.000 đồng là có căn cứ.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc ông S là chồng bà N có trách nhiệm trả nợ hụi hay không trong vụ án. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù ông S và bà N xác định hụi do một mình bà N tham gia, ông S không hay biết và ông cũng không sử dụng số tiền hụi này nhưng thực tế ông S và bà N thừa nhận mối quan hệ hôn nhân giữa ông bà vẫn bình thường, đang tồn tại, kinh tế vẫn sử dụng chung trong gia đình. Trong khi đó bà N thừa nhận có sử dụng số tiền hụi vào mục đích kinh doanh mua bán để tăng thu nhập trong gia đình và có sử dụng để trả nợ trong gia đình, cho con đi học. Ngoài ra, bà N và ông S không chứng minh được bà N sử dụng số tiền lãnh hụi vào mục đích cá nhân của bà N. Như vậy, bà N tham gia giao dịch hụi là trong thời kỳ hôn nhân giữa bà với ông S, nên tài sản tạo ra thu nhập trong thời kỳ hôn nhân là tài sản chung thì nợ trong thời kỳ hôn nhân cũng là nợ chung. Do đó, ông S là chồng bà N thì phải cùng có trách nhiệm trả nợ cho bà T là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 479 Bộ luật dân sự; Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T, buộc bà N và ông S có nghĩa vụ hoàn trả cho bà T 83.000.000 đồng tiền hụi; án phí dân sự sơ thẩm bà N và ông S chịu 4.150.000 đồng và hoàn trả tiền án phí cho bà T là có căn cứ.

[5] Đối với việc bà N cho rằng khi hốt hụi và lãnh tiền hụi có cho người khác mượn lại nhưng bà không xác định được họ tên, địa chỉ ở đâu, mỗi người mượn bao nhiêu tiền nên không xem xét, giải quyết là phù hợp. Nếu thời gian sau bà N xác định được người mượn tiền của mình có địa chỉ cụ thể thì có quyền khởi kiện tại Tòa án có thẩm quyền để đòi lại số tiền cho mượn là có cơ sở.

[6] Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bà N và ông S phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật số tiền 4.150.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005. Nghị định số 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ quy định về họ, hụi, biếu, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà T. Buộc bà Võ Tuyết N và ông Hứa Hồng S cùng có trách nhiệm trả lại cho bà Phạm Ngọc T 83.000.000 đồng (tám mươi ba triệu đồng) tiền nợ hui.

2. Án phí dân sự sơ thẩm bà Võ Tuyết N và ông Hứa Hồng S phải chịu 4.150.000 đồng. Bà Phạm Ngọc T không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà T 2.100.000 đồng tiền dự nộp tại biên lai số 0009153 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- Chi cục THADS huyện Đầm Dơi;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Trần Quốc Kiên